



## DANH MỤC THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 209/HSB ngày 04 tháng 6 năm 2024)

STT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ
1	Acetone KT	≥95%, kỹ thuật, 200 lít/phi	Phi	1	Ghtech/Trung Quốc
2	Acetonitrile HPLC	độ tinh khiết ≥99.8%, HPLC, 4 lít/chai	Chai	10	Scharlau/Tây Ban Nha
3	Bản mỏng silica gel điều chế pha thường	Kích thước 20×20 cm, silica gel 60 F254, độ dày 0.21-0.27 mm; Quy cách đóng gói: 25 bản kính/hộp	Hộp	4	Merck/Đức
4	Bản mỏng silica gel pha đảo RP-18	Kích thước: 20×20 cm, silica gel 60 RP-18 F254S, độ dày 0,20-0.27 mm; Quy cách đóng gói: 25 bản kính/hộp	Hộp	3	Merck/Đức
5	Bản mỏng silica gel pha thường	Kích thước: 20×20 cm, silica gel 60 F254, độ dày 0,175-0.225 mm; Quy cách đóng gói: 25 bản nhôm/hộp	Hộp	4	Merck/Đức
6	Bình cất quay 1 L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Bình cầu đáy tròn, nhám 29; Dung tích: 1Lít	Cái	6	Duran/Đức
7	Bình cất quay 2 L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Bình cầu đáy tròn, nhám 29; Dung tích: 2Lít	Cái	4	Glassco/U.K
8	Bình cất quay 500 mL	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Bình cầu đáy tròn, nhám 29; Dung tích: 500 mL	cái	7	Duran/Đức
9	Bình tam giác 1L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Dung tích: 1L	Cái	20	Duran/Đức
10	Bình tam giác 2L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Dung tích: 2L	Cái	12	Duran/Đức
11	Bình tam giác 500 mL	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Dung tích: 500 mL	Cái	30	Duran/Đức
12	Bình tam giác 5L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Dung tích: 5L	Cái	5	Duran/Đức
13	Bột sắc ký silica gel pha đảo YMC (1 kg/hộp)	ODS-A, kích thước hạt 12nm, S-150μm; Quy cách đóng gói 1kg/hộp	Hộp	2	YMC/Nhật
14	Bột sắc ký silica gel pha thường (25 kg/thùng)	Cỡ hạt 0,040-0,063 mm; Quy cách đóng gói: 25kg/thùng	Thùng	1	Merck/Đức
15	Cốc thủy tinh 1 L	Chất liệu: thủy tinh trung tính; Dung tích: 1L	Cái	14	Duran/Đức





16	Cột sắc ký bằng thủy tinh đường kính 5 cm, dài 40-80 cm	Chất liệu: Thủy tinh trung tính, khóa lõi teflon; Kích thước đường kính 5cm, dài 40-80 cm	Cái	9	Việt Nam
17	Cột sắc ký bằng thủy tinh đường kính 8 cm, dài 40-80 cm	Chất liệu: Thủy tinh trung tính, khóa lõi teflon; Kích thước đường kính 8cm, dài 40-80 cm	Cái	3	Việt Nam
18	Cột sắc ký lỏng RP18 phân tích	J'sphere ODS-H80; Kích thước 4,6 x 250 mm, cỡ hạt 4 $\mu$ m	Cái	4	YMC/Nhật
19	DIAION HP-20	Cỡ hạt 250-850 $\mu$ m, cỡ lỗ 1,3 ml/g	Hộp	4	Supelco - Mỹ
20	Dichloromethane KT	Độ tinh khiết $\geq 95\%$ ; Quy cách đóng gói: 200 lít/phi	Phi	1	Ghtech/Trung Quốc
211	DMSO	Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$ , chai 2L	chai	6	Sigma Aldrich
22	Ethanol KT	Độ tinh khiết $\geq 95\%$ ; Quy cách đóng gói: 200 lít/phi	Phi	3	Ghtech/Trung Quốc
23	Ethyl acetate KT	Độ tinh khiết $\geq 95\%$ ; Quy cách đóng gói: 200 lít/phi	Phi	1	Ghtech/Trung Quốc
24	Methanol HPLC	Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$ ; HPLC, 4 lít/chai	Chai	10	Scharlau/Tây Ban Nha
25	Methanol KT	Độ tinh khiết $\geq 97\%$ ; Quy cách đóng gói: 200 lít/phi	Phi	1	Ghtech/Trung Quốc
26	Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> (Merck)	Dung dịch Natri cacbonat, c = 0.05 mol/l (0.1 N)	Hộp	6	Merck/Đức
27	n-hexane KT	Độ tinh khiết $\geq 95\%$ ; Quy cách đóng gói: 200 lít/phi	Phi	1	Ghtech/Trung Quốc
28	Ống Eppendof 1,5ml	Nhựa, 500 cái/túi	túi	8	CAPP - Thụy Sĩ
29	Ống Eppendof 2ml	Nhựa, 500 cái/túi	túi	8	CAPP - Thụy Sĩ
30	Ống tube 15 ml	Nhựa, 500 cái/thùng	thùng	8	Corning - Mỹ
31	Ống tube 50 ml	Nhựa, 500 cái/thùng	thùng	8	Corning - Mỹ
32	Phễu chiết thủy tinh 5L	Chất liệu: Thủy tinh trung tính, nhám 29, khóa lõi teflon; dung tích: 5L	Cái	6	Việt Nam
33	$\alpha$ -glucosidase	dạng bột, từ Saccharomyces cerevisiae, $\geq 10$ Unit/mg protein, Lọ 100 UN	Lọ	6	sigma/Mỹ
34	Acarbose	độ tinh khiết $\geq 95\%$ , Lọ 1 gam	Lọ	6	Thermo

35	Bộ kit đo triglycerid, HDL-C, cholesterol huyết thanh	bộ kit gồm 3 hộp: xác định triglycerid, HDL-C, và cholesterol tổng số; 96 phép thử cho mỗi hộp;	Kit	8	Thermo
36	Cholic acid	from bovine and/or ovine, $\geq 98\%$ , 100 g/lọ	Lọ 100 g	5	Sigma/Mỹ
37	Đĩa 96 giếng đáy phẳng, có nắp đậy	Đáy phẳng, có nắp đậy, 50 chiếc/thùng	Thùng	10	Hàn Quốc
38	HMG-CoA reductase	Lọ 250 $\mu$ g	Lọ	6	Sigma/Mỹ
39	Kim đầu tù (Metal Feeding tube 22ga (0.5x0.7mm))	Thép không gỉ, 22ga (0.5x0.7 mm) x 25 mm, đầu tù 1.2 mm, 6 chiếc/hộp	Hộp	4	Intech -Mỹ
40	Kit định lượng đường On Call Plus	que nhựa dạng tấm mỏng được phủ sẵn hóa chất. Sử dụng kết hợp với Hệ thống kiểm soát đường huyết On Call® Plus hoặc On Call® EZ II để đo nồng độ đường huyết của mẫu máu toàn phần, 25 que/ hộp	Hộp	10	ACON/Mỹ
41	Máy đo đường huyết ON-CALL EZ II	Đo lượng đường trong máu.	Cái	3	ACON/Mỹ
42	NADPH (lọ 25 mg)	độ tinh khiết $\geq 95\%$ , 25 mg/lọ	Lọ	6	Sigma/Mỹ
43	<i>p</i> -nitrophenyl $\alpha$ -D-glucopyranoside	độ tinh khiết $\geq 99\%$ , lọ 1 gam	gam	20	Sigma/Mỹ
44	Poloxamer 407	Hàm lượng nước $\leq 1\%$ , lọ 250 gam	Lọ	6	Sigma/Mỹ